

LĨNH VỰC DOANH NGHIỆP

I. Nghị định 205/2025/NĐ-CP

1. Tên văn bản	Nghị định 205/2025/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 14/7/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 111/2015/NĐ-CP ngày 03/11/2015 của Chính phủ về phát triển công nghệ hỗ trợ
2. Văn bản thay thế/Sửa đổi, bổ sung	Sửa đổi, bổ sung Nghị định số 111/2015/NĐ-CP của chính phủ ban hành ngày 03/11/2015 về phát triển công nghệ hỗ trợ
3. Thời điểm có hiệu lực	01/09/2025
4. Nội dung chính lưu ý	<p>Nghị định 205/2025/NĐ-CP bổ sung Điều 6a, Điều 6b, Điều 6c vào sau Điều 6:</p> <p>**Hỗ trợ bảo vệ môi trường (Điều 6a)</p> <p>Dự án đầu tư phát triển khu công nghiệp hỗ trợ, khu, cụm liên kết ngành được ưu đãi, hỗ trợ về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.</p> <p>Chủ đầu tư dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này được hỗ trợ theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.</p> <p>**Hỗ trợ pháp lý (Điều 6b)</p> <p>Các doanh nghiệp sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này được hỗ trợ pháp lý theo quy định của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.</p> <p>**Hỗ trợ thử nghiệm, kiểm định, giám định, chứng nhận chất lượng (Điều 6c)</p>

	<p>Các doanh nghiệp sản xuất sản phẩm thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này được hỗ trợ kinh phí từ Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hỗ trợ tối đa 50% chi phí thử nghiệm, giám định, kiểm định, tư vấn chứng nhận chất lượng sản phẩm, xây dựng và công bố tiêu chuẩn cơ sở; chi phí chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng. - Hỗ trợ tối đa 50% chi phí thuê các phòng thử nghiệm, kiểm định, giám định và chứng nhận về chất lượng sản phẩm công nghiệp hỗ trợ. - Hỗ trợ tối đa 50% chi phí thử nghiệm, kiểm định, giám định và chứng nhận về chất lượng sản phẩm tại hệ thống thử nghiệm, kiểm định, giám định và chứng nhận chất lượng thuộc cơ quan quản lý nhà nước. - Hỗ trợ tối đa 50% chi phí thử nghiệm mẫu phương tiện đo; chi phí kiểm định, thử nghiệm, hiệu chuẩn phương tiện đo, chuẩn đo lường; chi phí cấp dấu định lượng của sản phẩm phù hợp với yêu cầu kỹ thuật đo lường. - Hỗ trợ tối đa 50% chi phí cho hoạt động nhận diện thương hiệu, đăng ký bản quyền, sở hữu trí tuệ và xin cấp mã số mã vạch. - Hỗ trợ tối đa 50% chi phí cho hoạt động thử nghiệm, kiểm nghiệm các hàng hóa, sản phẩm mới mang tính sáng chế.
--	--

II. Nghị định 210/2025/NĐ-CP

1. Tên văn bản	Nghị định 210/2025/NĐ-CP của Chính phủ ngày 21/7/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 38/2018/NĐ-CP ngày 11/3/2018 của Chính phủ quy định chi tiết về đầu tư cho doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo
2. Văn bản bị thay thế/Sửa đổi, bổ sung	Sửa đổi, bổ sung Nghị định số 38/2018/NĐ-CP ngày 11/3/2018 của Chính phủ quy định chi tiết về đầu tư cho doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo
3. Thời điểm có hiệu lực	15/09/2025

4. Nội dung chính lưu ý	<p>Sửa đổi Điều 5 Nghị định 38/2018/NĐ-CP quy định về quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo như sau:</p> <p>(1) Quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo không có tư cách pháp nhân, có từ 02 đến tối đa 30 nhà đầu tư góp vốn thành lập trên cơ sở Điều lệ quỹ. Quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo không được góp vốn vào quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo khác.</p> <p>(2) Tài sản góp vốn có thể bằng Đồng Việt Nam, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật và các tài sản khác có thể định giá được bằng Đồng Việt Nam.</p> <p>(3) Danh mục hoạt động đầu tư của quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo:</p> <ul style="list-style-type: none">- Đầu tư vào doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo. Tổng mức đầu tư không quá 50% vốn điều lệ của doanh nghiệp sau khi nhận đầu tư;- Đầu tư các công cụ đầu tư có thể chuyển đổi;- Đầu tư quyền mua cổ phần tại doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo. Giao dịch này không được chuyển nhượng cho các bên thứ ba. <p>(4) Quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo được sử dụng vốn nhận rồi từ vốn góp của các nhà đầu tư để gửi tiền có kỳ hạn hoặc mua chứng chỉ tiền gửi tại các tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật nhưng phải đảm bảo an toàn vốn. Công ty quản lý quỹ chỉ được gửi tiền và mua chứng chỉ tiền gửi tại các tổ chức tín dụng đã được Ban đại diện quỹ phê duyệt.</p> <p>(5) Toàn bộ số vốn góp và tài sản của các nhà đầu tư tại quỹ phải được hạch toán độc lập với nguồn vốn và tài sản của công ty thực hiện quản lý quỹ. Các nhà đầu tư góp vốn thành lập quỹ tự thỏa thuận về thẩm quyền quyết định danh mục hoạt động đầu tư và nội dung này phải được quy định tại Điều lệ quỹ và hợp đồng với công ty thực hiện quản lý quỹ (nếu có).</p> <p>Ngoài ra, sửa đổi khoản 2 Điều 7 Nghị định 38/2018/NĐ-CP về quản lý quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo như sau:</p> <p>Các nhà đầu tư của quỹ có thể thành lập hoặc thuê công ty thực hiện quản lý quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo để quản lý quỹ. Công ty thực</p>
--------------------------------	---

	<p>hiện quản lý quỹ có trách nhiệm thực hiện các thủ tục thành lập quỹ theo quy định của pháp luật. Trong quá trình quản lý hoạt động của quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo, công ty quản lý quỹ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không được sử dụng vốn, tài sản của quỹ để đầu tư vào chính quỹ đó; - Không được sử dụng vốn, tài sản của quỹ để cho vay thương mại, bảo lãnh cho bất kỳ khoản vay thương mại nào; - Không được sử dụng vốn, tài sản của quỹ để đầu tư cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu, chứng chỉ quỹ theo pháp luật chứng khoán; - Không được cam kết lợi nhuận trong các tài liệu và hoạt động huy động vốn của quỹ.
--	---

III. Thông tư 76/2025/TT-BTC

1. Tên văn bản	Thông tư 76/2025/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 21/7/2025 về việc bãi bỏ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính về tự vay, tự trả của doanh nghiệp do nhà nước sở hữu trên 50% vốn điều lệ
2. Văn bản bị thay thế/Sửa đổi, bổ sung	<ul style="list-style-type: none"> - Bãi bỏ Thông tư số 153/2014/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Quy chế xem xét, thẩm tra, chấp thuận các khoản vay nợ nước ngoài theo phương thức tự vay, tự trả của doanh nghiệp do Nhà nước sở hữu trên 50% vốn điều lệ. - Bãi bỏ Thông tư số 09/2022/TT-BTC ngày 14 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế xem xét, thẩm tra, chấp thuận các khoản vay nợ nước ngoài theo phương thức tự vay, tự trả của doanh nghiệp do Nhà nước sở hữu trên 50% vốn điều lệ ban hành kèm theo Thông tư số 153/2014/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
3. Thời điểm có hiệu lực	05/09/2025
4. Nội dung chính lưu ý	

IV. Thông tư 78/2025/TT-BTC

1. Tên văn bản	Thông tư số 78/2025/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 31/07/2025 về việc bãi bỏ Thông tư số 01/2020/TT-BKHĐT ngày
-----------------------	---

	19/02/2020 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và đầu tư về hướng dẫn phân loại và đánh giá hợp tác xã
2. Văn bản bị thay thế/Sửa đổi, bổ sung	Bãi bỏ toàn bộ Thông tư số 01/2020/TT-BKHĐT ngày 19 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về hướng dẫn phân loại và đánh giá hợp tác xã.
3. Thời điểm có hiệu lực	18/9/2025
4. Nội dung chính lưu ý	

LĨNH VỰC ĐẦU TƯ

I. Quyết định số 25/2025/QĐ-TTg

1. Tên văn bản	Quyết định số 25/2025/QĐ-TTg của Thủ tướng chính phủ ban hành ngày 22/7/2025 quy định về xây dựng cơ sở dữ liệu và chế độ báo cáo trực tuyến trên hệ thống trong giám sát, đánh giá các chương trình mục tiêu quốc gia
2. Văn bản bị thay thế/Sửa đổi, bổ sung	Không
3. Thời điểm có hiệu lực	15/9/2025
4. Nội dung chính lưu ý	<p>Quy định về việc xây dựng Cơ sở dữ liệu các chương trình mục tiêu quốc gia cụ thể như sau:</p> <p>(i) Thiết kế, xây dựng Cơ sở dữ liệu các chương trình mục tiêu quốc gia tại Bộ Tài chính để thống nhất kết nối, tích hợp dữ liệu từ các hệ thống thông tin có liên quan đến quản lý chương trình mục tiêu quốc gia. Bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cơ sở dữ liệu cơ bản về chương trình mục tiêu quốc gia, gồm: các thông tin trên các Quyết định của cấp có thẩm quyền phê duyệt chương trình mục tiêu quốc gia; dữ liệu thay đổi của chương trình, dự án thành phần thuộc chương trình trong quá trình thực hiện. - Cơ sở dữ liệu về kết quả xây dựng văn bản quản lý, điều hành, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia tại các cấp và các tài liệu có liên quan đến kết quả kiểm toán, thanh tra, việc thực hiện kết luận

	<p>của kiểm toán, thanh tra, các đoàn giám sát của Quốc hội và cơ quan có thẩm quyền.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cơ sở dữ liệu về lập, giao, phân bổ ngân sách nhà nước (gồm: vốn đầu tư công, kinh phí chi thường xuyên) chương trình mục tiêu quốc gia; kết quả giải ngân ngân sách nhà nước (gồm: vốn đầu tư công, kinh phí chi thường xuyên) tại các cấp; kết quả đánh giá tình hình sử dụng nguồn lực tài chính cho chương trình mục tiêu quốc gia gắn với kết quả đầu ra và các nội dung khác có liên quan tại các cấp. - Cơ sở dữ liệu về giao, phân bổ, điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 5 năm; lập, giao, phân bổ, điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công, kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước hằng năm các chương trình mục tiêu quốc gia. - Cơ sở dữ liệu về giao, điều chỉnh, bổ sung mục tiêu, nhiệm vụ và thông báo mức vốn sự nghiệp ngân sách trung ương giai đoạn 5 năm; giao, điều chỉnh, bổ sung mục tiêu, nhiệm vụ hằng năm; kết quả thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ của từng chương trình, dự án thành phần, các chỉ tiêu đầu vào, đầu ra, chỉ số đánh giá kết quả thực hiện, đánh giá tác động của từng chương trình mục tiêu quốc gia. - Cơ sở dữ liệu khác theo quy định của cơ quan có thẩm quyền. <p>(ii) Thiết lập Hệ thống và thiết kế, xây dựng công cụ, chức năng tích hợp trên Hệ thống để tích hợp thông tin, dữ liệu từ các hệ thống thông tin: Hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về đầu tư công, Hệ thống thông tin quản lý chương trình mục tiêu quốc gia và các hệ thống thông tin khác có liên quan.</p> <p>(iii) Thu thập chuẩn hóa, nhập dữ liệu; lưu trữ, bảo mật, đảm bảo an toàn thông tin trong Cơ sở dữ liệu các chương trình mục tiêu quốc gia.</p> <p>(iv) Các hoạt động khác theo quy định của pháp luật.</p>
--	---

LĨNH VỰC BẢO HIỂM

I. Thông tư 24/2025/TT-BYT

1. Tên văn bản	Thông tư 24/2025/TT-BYT của Bộ Y tế ban hành ngày 30/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2017/TT-BYT ngày 14/04/2017 của Bộ Y tế ban hành danh mục và tỷ lệ, điều kiện thanh toán đối với vật tư y tế thuộc phạm vi được hưởng của người tham gia bảo hiểm y tế
2. Văn bản bị thay thế/Sửa đổi, bổ sung	Sửa đổi, bổ sung Thông tư số 04/2017/TT-BYT ngày 14/04/2017 của Bộ Y tế ban hành danh mục và tỷ lệ, điều kiện thanh toán đối với vật tư y tế thuộc phạm vi được hưởng của người tham gia bảo hiểm y tế
3. Thời điểm có hiệu lực	01/9/2025
4. Nội dung chính lưu ý	<p>Quy định mới về xây dựng và sử dụng Danh mục vật tư y tế thuộc phạm vi được hưởng của người tham gia bảo hiểm y tế tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Việc xây dựng danh mục vật tư y tế sử dụng tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh phải căn cứ vào Danh mục vật tư y tế tại Phụ lục 01 ban hành kèm theo Thông tư 04/2017/TT-BYT ; nhu cầu khám bệnh, chữa bệnh; năng lực chuyên môn, trang thiết bị y tế; danh mục dịch vụ kỹ thuật y tế (sau đây viết tắt là dịch vụ kỹ thuật) được cấp có thẩm quyền phê duyệt và thực tế sử dụng của năm trước theo nguyên tắc bảo đảm an toàn, hợp lý, hiệu quả, đáp ứng nhu cầu khám bệnh, chữa bệnh, phù hợp với khả năng chi trả của quỹ bảo hiểm y tế; ưu tiên vật tư y tế sản xuất trong nước có chất lượng và giá thành hợp lý. - Sau khi có kết quả lựa chọn nhà thầu, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh gửi cơ quan bảo hiểm xã hội các tài liệu sau để làm cơ sở thanh toán: <ul style="list-style-type: none"> + Bảng kê danh mục vật tư y tế chưa được tính chi phí vào giá của dịch vụ kỹ thuật, khám bệnh, ngày giường điều trị hoặc thu trọn gói theo trường hợp bệnh sử dụng tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thực hiện theo mẫu tại Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư 04/2017/TT-BYT (bảng văn bản giấy và bảng văn bản điện tử định dạng excel); + Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu và quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu cung ứng vật tư y tế (bảng văn bản giấy và bảng văn bản điện tử định dạng excel). - Trường hợp cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tự nhân không chọn áp dụng

	<p>quy định của pháp luật về đấu thầu để mua thiết bị y tế thì cơ sở khám bệnh, chữa bệnh lập bảng kê danh mục thiết bị y tế chưa được tính chi phí vào giá của dịch vụ kỹ thuật, khám bệnh, ngày giường điều trị sử dụng tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đó theo mẫu quy định tại Phụ lục 03 ban hành kèm theo Thông tư 04/2017/TT-BYT và gửi cơ quan bảo hiểm xã hội.</p>
--	--

LĨNH VỰC TIỀN TỆ - NGÂN HÀNG

I. Thông tư 22/2025/TT-NHNN

1. Tên văn bản	<p>Thông tư 22/2025/TT-NHNN của Ngân hàng nhà nước ban hành ngày 01/8/2025 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2023/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng nhà nước Việt Nam quy định về giám sát tiêu hủy tiền của Ngân hàng nhà nước Việt Nam</p>
2. Văn bản bị thay thế/Sửa đổi, bổ sung	<p>Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2023/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về giám sát tiêu hủy tiền của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.</p>
3. Thời điểm có hiệu lực	<p>15/9/2025</p>
4. Nội dung chính lưu ý	<p>Hội đồng giám sát tiêu hủy tiền của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hội đồng giám sát do Thống đốc quyết định thành lập theo đề nghị của Vụ Tổ chức cán bộ. - Hội đồng giám sát tiêu hủy tiền không đủ tiêu chuẩn lưu thông được tổ chức thành Cụm giám sát tiêu hủy phía Bắc và Cụm giám sát tiêu hủy phía Nam; Hội đồng giám sát tiêu hủy tiền in, đúc hỏng được tổ chức theo cơ sở in, đúc tiền. - Thành phần Hội đồng giám sát tiêu hủy tiền không đủ tiêu chuẩn lưu thông, bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> + Chủ tịch Hội đồng giám sát: Chánh Thanh tra Ngân hàng Nhà nước; + 01 (một) Phó Chủ tịch Hội đồng giám sát là Phó Chánh Thanh tra Ngân hàng Nhà nước, trực tiếp phụ trách Cụm giám sát tiêu hủy phía Bắc; + 01 (một) Phó Chủ tịch Hội đồng giám sát là lãnh đạo Ngân hàng Nhà

	<p>nước chi nhánh Khu vực 2, trực tiếp phụ trách Cụm giám sát tiêu hủy phía Nam;</p> <p>+ 01 (một) ủy viên là lãnh đạo Văn phòng tham gia Cụm giám sát tiêu hủy phía Bắc;</p> <p>+ 01 (một) ủy viên là lãnh đạo cấp phòng thuộc Văn phòng, tham gia Cụm giám sát tiêu hủy phía Nam;</p> <p>+ 01 (một) ủy viên là lãnh đạo cấp phòng thuộc Thanh tra Ngân hàng Nhà nước kiêm thư ký Hội đồng giám sát và thư ký Cụm giám sát tiêu hủy phía Bắc;</p> <p>+ 01 (một) ủy viên là lãnh đạo cấp phòng thuộc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực 2 kiêm thư ký Cụm giám sát tiêu hủy phía Nam.</p> <p>- Thành phần Hội đồng giám sát tiêu hủy tiền in, đúc hõng, bao gồm:</p> <p>+ Chủ tịch Hội đồng giám sát: Lãnh đạo Thanh tra Ngân hàng Nhà nước;</p> <p>+ Các ủy viên gồm: 01 (một) Lãnh đạo cấp phòng thuộc Thanh tra Ngân hàng Nhà nước kiêm thư ký Hội đồng giám sát; 01 (một) lãnh đạo cấp phòng thuộc Văn Phòng.</p> <p>- Hội đồng giám sát họp định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu của Chủ tịch Hội đồng giám sát. Các thành viên Hội đồng giám sát làm việc theo chế độ kiêm nhiệm và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội đồng giám sát về nhiệm vụ được phân công.</p> <p>- Giúp việc Hội đồng giám sát là Tổ giúp việc Hội đồng giám sát (sau đây gọi là Tổ giúp việc) được quy định tại Điều 9 Thông tư 19/2023/TT-NHNN.</p>
--	---

II. Thông tư số 19/2025/TT-NHNN

1. Tên văn bản	Thông tư số 19/2025/TT-NHNN của Ngân hàng nhà nước ban hành ngày 31/7/2025 quy định về mạng lưới hoạt động của tổ chức tài chính vi mô
2. Văn bản bị thay thế/Sửa đổi, bổ sung	Thay thế Thông tư số 19/2019/TT-NHNN ngày 05/11/2019 quy định về mạng lưới hoạt động của các tổ chức tài chính vi mô
3. Thời điểm có	15/9/2025

hiệu lực	
4. Nội dung chính lưu ý	<p>Thẩm quyền chấp thuận về mạng lưới của tổ chức tài chính vi mô từ ngày 15/09/2025 cụ thể như sau:</p> <p>[1] Thẩm quyền của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chấp thuận thành lập chi nhánh của tổ chức tài chính vi mô; - Bắt buộc chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh của tổ chức tài chính vi mô; - Chấp thuận các nội dung về mạng lưới hoạt động của tổ chức tài chính vi mô để thực hiện phương án cơ cấu lại tổ chức tài chính vi mô được kiểm soát đặc biệt đã được phê duyệt trên cơ sở trình tự, thủ tục quy định tại Thông tư này. <p>[2] Thẩm quyền của Cục trưởng Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chấp thuận thành lập phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của tổ chức tài chính vi mô; - Bắt buộc chấm dứt hoạt động, giải thể phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của tổ chức tài chính vi mô. <p>[3] Thẩm quyền của Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chấp thuận thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch của tổ chức tài chính vi mô trên địa bàn, bao gồm cả trường hợp thay đổi địa điểm trước khi khai trương hoạt động; - Chấp thuận việc tự nguyện chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, phòng giao dịch của tổ chức tài chính vi mô.
III. Thông tư số 18/2025/TT-NHNN	
1. Tên văn bản	Thông tư số 18/2025/TT-NHNN của Ngân hàng nhà nước ban hành ngày 31/7/2025 quy định về thu nhập, khai thác, chia sẻ thông tin, báo cáo của hệ thống thông tin phục vụ công tác giám sát hoạt động quỹ tín dụng nhân dân và tổ chức tài chính vi mô
2. Văn bản bị thay thế/Sửa đổi, bổ sung	Không

3. Thời điểm có hiệu lực	15/9/2025
4. Nội dung chính lưu ý	<p>Điều 8 Thông tư 18/2025/TT-NHNN có quy định về khai thác, chia sẻ thông tin, báo cáo của Hệ thống thông tin giám sát quỹ tín dụng nhân dân và tổ chức tài chính vi mô như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước: <ul style="list-style-type: none"> + Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực được khai thác toàn bộ thông tin, báo cáo, sản phẩm đầu ra trên Hệ thống thông tin giám sát của quỹ tín dụng nhân dân đặt trụ sở chính trên địa bàn. + Thanh tra Ngân hàng Nhà nước, Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng được khai thác toàn bộ thông tin, báo cáo, sản phẩm đầu ra trên Hệ thống thông tin giám sát của quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô. + Các đơn vị khác thuộc Ngân hàng Nhà nước có nhu cầu khai thác thông tin, báo cáo, sản phẩm đầu ra trên Hệ thống thông tin giám sát phải đăng ký bằng văn bản với Cục An toàn hệ thống các tổ chức tín dụng để tổng hợp, trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước phê duyệt. - Đối với Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam, Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam: <ul style="list-style-type: none"> + Khi có nhu cầu được chia sẻ thông tin, báo cáo trên Hệ thống thông tin giám sát, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam, Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam gửi văn bản đăng ký với Cục An toàn hệ thống các tổ chức tín dụng các thông tin, báo cáo cần chia sẻ để tổng hợp, trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước phê duyệt. + Việc chia sẻ thông tin, báo cáo cho Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam, Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam được thực hiện thông qua việc kết nối giữa các hệ thống thông tin theo hướng dẫn của Cục Công nghệ thông tin. + Phạm vi chia sẻ thông tin, báo cáo: <ul style="list-style-type: none"> ++ Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam được chia sẻ thông tin, báo cáo phù hợp với quy định pháp luật về cung cấp thông tin giữa Ngân hàng Nhà nước và Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam. ++ Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam được chia sẻ thông tin, báo cáo của quỹ tín dụng nhân dân phục vụ cho mục đích điều hòa vốn, kiểm toán nội bộ, kiểm tra và giám sát an toàn hệ thống quỹ tín dụng nhân dân. + Thông tin, báo cáo được chia sẻ phải bảo đảm quy định pháp luật có

	<p>liên quan đến bảo vệ dữ liệu cá nhân.</p> <p>- Hệ thống thông tin giám sát chia sẻ thông tin, báo cáo cho Kho dữ liệu chung của Ngân hàng Nhà nước.</p>
IV. Thông tư 17/2025/TT-NHNN	
1. Tên văn bản	Thông tư 12/2025/TT-NHNN của Ngân hàng nhà nước ban hành ngày 30/7/2025 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2018/TT-NHNN ngày 28/8/2018 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước Việt nam hướng dẫn về quản lý ngoại hối đối với hoạt động thương mại biên giới Việt Nam – Trung Quốc
2. Văn bản bị thay thế/Sửa đổi, bổ sung	sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2018/TT-NHNN ngày 28 tháng 8 năm 2018 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn về quản lý ngoại hối đối với hoạt động thương mại biên giới Việt Nam - Trung Quốc.
3. Thời điểm có hiệu lực	15/9/2025
4. Nội dung chính lưu ý	<p>Phương thức thanh toán trong hoạt động thương mại biên giới Việt Nam – Trung Quốc từ ngày 15/9/2025 bao gồm:</p> <p>(1) Thanh toán qua ngân hàng, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thanh toán bằng ngoại tệ tự do chuyển đổi qua ngân hàng được phép theo quy định hiện hành về quản lý ngoại hối; - Thanh toán bằng CNY qua chi nhánh ngân hàng biên giới; - Thanh toán bằng VND qua chi nhánh ngân hàng biên giới. <p>(2) Thanh toán bù trừ (thanh toán phần chênh lệch trong giao dịch bù trừ hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu với hàng hoá, dịch vụ nhập khẩu trong hoạt động thương mại biên giới Việt Nam – Trung Quốc) qua ngân hàng được phép.</p>
V. Thông tư 14/2025/TT-NHNN	
1. Tên văn bản	Thông tư 14/2025/TT-NHNN của Ngân hàng nhà nước Việt Nam ban hành ngày 30/6/2025 quy định tỷ lệ an toàn vốn đối với ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài

2. Văn bản bị thay thế/Sửa đổi, bổ sung	Sửa đổi, bổ sung Thông tư 26/2022/TT-NHNN sửa đổi Thông tư 22/2019/TT-NHNN quy định các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài
3. Thời điểm có hiệu lực	15/09/2025
4. Nội dung chính lưu ý	<p>Cơ cấu tổ chức và hoạt động quản lý tỷ lệ an toàn vốn đối với ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được quy định như sau:</p> <p>(1) Hoạt động quản lý tỷ lệ an toàn vốn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên (đối với ngân hàng thương mại) hoặc Tổng giám đốc (Giám đốc) (đối với chi nhánh ngân hàng nước ngoài) thực hiện: <ul style="list-style-type: none"> + Ban hành quy định nội bộ về tuân thủ tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu của ngân hàng phù hợp với nhu cầu, đặc điểm, mức độ rủi ro trong hoạt động, chu kỳ kinh doanh, khả năng thích ứng với rủi ro và chiến lược kinh doanh của ngân hàng; phù hợp với Thông tư này và quy định của pháp luật liên quan; + Giám sát đối với Tổng giám đốc (Giám đốc) (đối với ngân hàng thương mại) trong việc thực hiện quản lý tỷ lệ an toàn vốn; - Tổng giám đốc (Giám đốc) thực hiện: <ul style="list-style-type: none"> + Xây dựng và trình Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên (đối với ngân hàng thương mại) ban hành quy định nội bộ về tuân thủ tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu; + Quản lý tỷ lệ an toàn vốn đảm bảo tuân thủ quy định nội bộ; + Giám sát đối với các cá nhân, bộ phận thực hiện chức năng quản lý tỷ lệ an toàn vốn; - Có cá nhân, bộ phận thực hiện chức năng quản lý tỷ lệ an toàn vốn, trình Tổng giám đốc (Giám đốc) để báo cáo Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên (đối với ngân hàng thương mại) hoặc trình Tổng giám đốc (Giám đốc) (đối với chi nhánh ngân hàng nước ngoài) theo quy định nội bộ về tuân thủ tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu của ngân hàng phù hợp với Thông tư này và quy định của pháp luật liên quan. <p>(2) Ban Kiểm soát của ngân hàng thương mại phải giám sát việc chấp hành các quy định về tỷ lệ an toàn vốn tại Thông tư này.</p> <p>(3) Kiểm toán nội bộ của ngân hàng thực hiện rà soát, đánh giá độc lập,</p>

khách quan về tính thích hợp và sự tuân thủ quy định nội bộ về quản lý tỷ lệ an toàn vốn của ngân hàng.

LĨNH VỰC HÀNH CHÍNH

I. Quyết định 26/2025/QĐ-TTg

1. Tên văn bản	Quyết định 26/2025/QĐ-TTg của Thủ tướng chính phủ ban hành ngày 04/8/2025 quy định về thành phần và nhiệm vụ, quyền hạn của hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật
2. Văn bản bị thay thế/Sửa đổi, bổ sung	Thay thế Quyết định 21/2021/QĐ-TTg ngày 21/6/2021 quy định về thành phần và nhiệm vụ, quyền hạn của hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật
3. Thời điểm có hiệu lực	07/08/2025
4. Nội dung chính lưu ý	<p>Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật Trung ương do Thủ tướng Chính phủ thành lập gồm các thành phần sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Chủ tịch Hội đồng: Phó Thủ tướng Chính phủ; + Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng: Bộ trưởng Bộ Tư pháp; + Các Phó Chủ tịch Hội đồng: Thứ trưởng Bộ Tư pháp, Phó Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ; <p>Hội đồng mời đại diện lãnh đạo Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam làm Phó Chủ tịch Hội đồng.</p> <ul style="list-style-type: none"> + Các Ủy viên Hội đồng là đại diện lãnh đạo các cơ quan, tổ chức: Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Nội vụ, Thanh tra Chính phủ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Xây dựng, Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Y tế, Bộ Tài chính, Bộ Công Thương, Bộ Ngoại giao, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Dân tộc và Tôn giáo, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, Thông tấn xã Việt Nam; <p>Hội đồng mời đại diện lãnh đạo các cơ quan, tổ chức làm Ủy viên Hội đồng: Ban Nội chính Trung ương, Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Trung ương Hội Luật gia Việt Nam, Liên đoàn Luật sư Việt Nam, Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI), Hiệp hội doanh nghiệp</p>

	<p>nhỏ và vừa Việt Nam.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Căn cứ vào yêu cầu chỉ đạo, phối hợp thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý, hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh thuộc ngành, lĩnh vực quản lý, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ quyết định và chịu trách nhiệm về việc thành lập, duy trì hoạt động của Hội đồng của bộ, cơ quan mình. - Căn cứ thành phần Hội đồng Trung ương và yêu cầu thực tiễn của địa phương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành phần, số lượng thành viên Hội đồng cấp tỉnh, trong đó có đại diện lãnh đạo Ủy ban nhân dân cùng cấp làm Chủ tịch Hội đồng. - Trong trường hợp cần thiết, căn cứ thành phần, nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu trực thuộc cấp tỉnh quyết định việc thành lập, thành phần, số lượng thành viên, nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng cùng cấp bảo đảm hiệu quả, phù hợp với yêu cầu triển khai công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý, hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh trên địa bàn.
--	--

II. Nghị định 213/2025/NĐ-CP

1. Tên văn bản	Nghị định 213/2025/CP của Chính phủ ban hành ngày 30/7/2025 quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự
2. Văn bản bị thay thế/Sửa đổi, bổ sung	Thay thế Nghị định 04/CP của Chính phủ ban hành ngày 16/01/1995 ban hành quy chế bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự
3. Thời điểm có hiệu lực	15/09/2025
4. Nội dung chính lưu ý	<p>Điều 8 Nghị định 213/2025/NĐ-CP quy định chế độ phụ cấp đối với lực lượng chuyên trách thực hiện nhiệm vụ quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối tượng + Lực lượng chuyên trách thực hiện nhiệm vụ quản lý, bảo vệ công trình

quốc phòng và khu quân sự Nhóm đặc biệt;

- + Lực lượng thực hiện nhiệm vụ bảo vệ Sở chỉ huy Bộ Quốc phòng;
- + Lực lượng chuyên trách thực hiện nhiệm vụ quản lý, bảo vệ các công trình quốc phòng Nhóm I loại A không niêm cất, lấp phủ.

- Chế độ và mức phụ cấp được hưởng

- + Phụ cấp đặc thù quân sự 10% áp dụng với đối tượng quy định tại điểm a và điểm c khoản 1 Điều này làm nhiệm vụ bảo quản công trình quốc phòng;
- + Phụ cấp trách nhiệm công việc 0,2 áp dụng với đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này.

- Cách tính và nguyên tắc chi trả

- + Phụ cấp đặc thù quân sự đối với người hưởng lương được tính theo mức tiền lương theo cấp bậc hàm, ngạch bậc hiện hưởng, cộng phụ cấp chức vụ lãnh đạo (nếu có), phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có) nhân với 10%; đối với người hưởng phụ cấp quân hàm (hạ sĩ quan, binh sĩ) được tính theo mức phụ cấp quân hàm hiện hưởng nhân với 10%;
- + Phụ cấp trách nhiệm công việc đối với người hưởng lương được tính theo mức tiền lương cơ sở nhân với hệ số 0,2; đối với người hưởng phụ cấp quân hàm (hạ sĩ quan, binh sĩ) được tính theo mức phụ cấp quân hàm của hạ sĩ quan, binh sĩ nhân với hệ số 0,2;
- + Thời gian được hưởng các chế độ, chính sách tính từ ngày có quyết định và thực hiện cho đến khi có quyết định thôi thực hiện nhiệm vụ; trường hợp giữ chức danh từ 15 ngày trở lên trong tháng thì được hưởng phụ cấp cả tháng, giữ chức danh dưới 15 ngày trong tháng thì được hưởng 50% phụ cấp của tháng đó;
- + Khi thay đổi vị trí công tác hoặc cấp bậc quân hàm đối với sĩ quan hoặc mức lương đối với quân nhân chuyên nghiệp hoặc mức phụ cấp quân hàm đối với hạ sĩ quan, binh sĩ từ tháng nào thì áp dụng hưởng mức phụ cấp theo vị trí công tác hoặc cấp bậc quân hàm hoặc mức lương, mức phụ cấp quân hàm tương ứng kể từ tháng đó;
- + Các loại phụ cấp quy định tại Điều này được chi trả cùng kỳ lương hàng tháng và không dùng để tính đóng, hưởng chế độ bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế.

	- Nguồn kinh phí đảm bảo chế độ phụ cấp quy định tại khoản 2 Điều này do ngân sách nhà nước chi trả, được bố trí trong dự toán hàng năm của Bộ Quốc phòng theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.
--	--

LĨNH VỰC GIAO THÔNG - VẬN TẢI

I. Thông tư 20/2025/TT-BXD

1. Tên văn bản	Thông tư 20/2025/TT-BXD của Bộ Xây dựng ban hành ngày 15/7/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư về lĩnh vực kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường sắt
2. Văn bản bị thay thế/Sửa đổi, bổ sung	<p>Sửa đổi, bổ sung các Thông tư:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư 08/2024/TT-BGTVT ngày 04/04/2024 sửa đổi, bổ sung Thông tư 19/2018/TT-BGTVT quy định về tiêu chuẩn đăng kiểm viên đường sắt và yêu cầu đối với cơ sở vật chất, kỹ thuật của tổ chức đăng kiểm đường sắt - Thông tư 01/2024/TT-BGTVT ngày 26/01/2024 quy định về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường sắt - Thông tư 20/2023/TT-BGTVT ngày 03/11/2023 về 03 quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phương tiện giao thông đường sắt - Thông tư 19/2018/TT-BGTVT ngày 19/4/2018 quy định về tiêu chuẩn đăng kiểm viên đường sắt và yêu cầu đối với cơ sở vật chất, kỹ thuật của tổ chức đăng kiểm đường sắt
3. Thời điểm có hiệu lực	01/9/2025
4. Nội dung chính lưu ý	<p>Sửa đổi Điều 10 Thông tư 19/2018/TT-BGTVT đã được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 7 Điều 1 Thông tư 08/2024/TT-BGTVT quy định về công nhận, công nhận lại, ban hành lại và thu hồi Quyết định công nhận đăng kiểm viên như sau:</p> <p>(1) Cục Đăng kiểm Việt Nam tổ chức đánh giá, công nhận đăng kiểm viên; công nhận lại đăng kiểm viên khi Quyết định công nhận đăng kiểm viên hết hiệu lực; ban hành lại Quyết định công nhận đăng kiểm viên khi bị sai sót thông tin trên Quyết định, khi bị mất, hư hỏng Quyết định, khi bị thu hồi Quyết định.</p>

	<p>(2) Quyết định công nhận, công nhận lại đảng kiểm viên có thời hạn 05 (năm) năm. Trong thời hạn 03 (ba) tháng trước khi Quyết định công nhận đảng kiểm viên hết hiệu lực hoặc khi Quyết định công nhận đảng kiểm viên còn hiệu lực nhưng bị mất, hư hỏng, có sai sót thông tin, đảng kiểm viên có trách nhiệm báo cáo Cục Đăng kiểm Việt Nam tổ chức đánh giá để công nhận lại đảng kiểm viên hoặc ban hành lại Quyết định công nhận đảng kiểm viên theo quy định tại khoản (1).</p> <p>(3) Đảng kiểm viên bị thu hồi Quyết định công nhận đảng kiểm viên đối với một trong các trường hợp sau đây:</p> <p>(i) Vi phạm các quy định hiện hành khi thực thi công vụ với mức độ bị xử lý kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên;</p> <p>(ii) Có hành vi tiêu cực, sách nhiễu, cố ý gây khó khăn cho khách hàng trong quá trình thực thi nhiệm vụ.</p> <p>(Sửa đổi trường hợp “Không được thủ trưởng cơ quan, đơn vị tiếp tục giao nhiệm vụ đảng kiểm viên.”)</p> <p>(4) Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam có trách nhiệm thu hồi Quyết định công nhận đảng kiểm viên đối với các trường hợp quy định tại khoản (3), thông báo đến đảng kiểm viên bị thu hồi Quyết định công nhận đảng kiểm viên và các cơ quan liên quan để phối hợp thực hiện và công bố trên Trang thông tin điện tử của Cục Đăng kiểm Việt Nam. Đảng kiểm viên bị thu hồi Quyết định công nhận đảng kiểm viên chỉ được cấp lại Quyết định công nhận đảng kiểm viên tối thiểu 06 (sáu) tháng kể từ ngày thu hồi.</p>
--	--

II. Thông tư 14/2025/TT-BXD

1. Tên văn bản	Nghị định 179/2025/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 01/7/2025 quy định về mức hỗ trợ đối với người làm công tác chuyên trách về chuyển đổi số, an toàn thông tin mạng, an ninh mạng
2. Văn bản bị thay thế/Sửa đổi, bổ sung	Thay thế Thông tư số 35/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe; cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế; đào tạo, kiểm tra, cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ
3. Thời điểm có hiệu lực	01/9/2025

<p>4. Nội dung chính lưu ý</p>	<p>Hồ sơ của người học lái xe từ ngày 1/9/2025 như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người học lái xe lần đầu lập 01 bộ hồ sơ, nộp cho cơ sở đào tạo bằng một trong các hình thức: trực tiếp, dịch vụ bưu chính, trên môi trường điện tử. Hồ sơ bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> + Đơn đề nghị học lái xe theo mẫu quy định tại Phụ lục X ban hành kèm theo Thông tư 14/2025/TT-BXD + Bản sao hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao điện tử được cấp từ sổ gốc một trong các giấy tờ sau: thẻ tạm trú, thẻ thường trú, chứng minh thư ngoại giao, chứng minh thư công vụ (đối với người nước ngoài). - Người học lái xe nâng hạng lập 01 bộ hồ sơ, nộp cho cơ sở đào tạo bằng một trong các hình thức: trực tiếp, dịch vụ bưu chính, trên môi trường điện tử. Hồ sơ bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> + Giấy tờ quy định tại khoản 1 Điều 14 Thông tư 14/2025/TT-BXD ; + Bản sao bằng tốt nghiệp trung học cơ sở hoặc bằng cấp tương đương trở lên đối với trường hợp nâng hạng giấy phép lái xe lên các hạng D1, D2 và D (xuất trình bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc); + Bản khai thời gian lái xe an toàn theo mẫu quy định tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư 14/2025/TT-BXD <p>Yêu cầu đối với người học lái xe từ ngày 1/9/2025</p> <ul style="list-style-type: none"> - Là công dân Việt Nam, người nước ngoài được phép cư trú hoặc đang làm việc, học tập tại Việt Nam. - Người học lái xe để nâng hạng giấy phép lái xe phải đáp ứng theo quy định tại khoản 4 Điều 60 <u>Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ 2024</u>; trong đó, thời gian lái xe an toàn cho từng hạng giấy phép lái xe được quy định cụ thể như sau: <ul style="list-style-type: none"> + Hạng B lên C1, B lên C, B lên D1, B lên BE, C1 lên C, C1 lên D1, C1 lên D2, C1 lên C1E, C lên D1, C lên D2, D1 lên D2, D1 lên D, D1 lên D1E, D2 lên D, D2 lên D2E, D lên DE: thời gian lái xe an toàn từ 02 năm trở lên; + Hạng B lên D2, C lên CE, C lên D: thời gian lái xe an toàn từ 03 năm trở lên.
---------------------------------------	--

	<p>- Người đã có giấy phép lái xe hạng B chuyển số tự động được đăng ký học để cấp mới giấy phép lái xe hạng B chuyển số cơ khí (số sàn), người đã có giấy phép lái xe hạng B được đăng ký học để cấp mới giấy phép lái xe hạng C1 theo quy định tại Điều 6 Thông tư 14/2025/TT-BXD; hồ sơ của người học lái xe thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Thông tư 14/2025/TT-BXD.</p>
--	--

III. Thông tư 09/2025/TT-BGTVT

1. Tên văn bản	Thông tư 09/2025/TT-BGTVT ngày 12/02/2025 ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phân cấp và đóng tàu biển vỏ thép
2. Văn bản bị thay thế/Sửa đổi, bổ sung	<p>Sửa đổi các Thông tư:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư 27/2019/TT-BGTVT ngày 07/9/2019 Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở đóng mới, sửa chữa tàu biển; Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thiết bị áp lực trên phương tiện giao thông vận tải và phương tiện, thiết bị thăm dò, khai thác trên biển; Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn lao động và kỹ thuật nôi hơi lắp đặt trên phương tiện, thiết bị thăm dò và khai thác trên biển và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phân cấp và đóng tàu biển vỏ thép – sửa đổi 3:2018 - Thông tư 15/2028/TT-BGTVT ngày 04/04/2018 ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về kiểm soát và quản lý nước dẫn và cặn nước dẫn tàu biển, mã số đăng ký: QCVN 99:2017/BGTVT; quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phân cấp và đóng tàu biển vỏ thép - sửa đổi 2: 2017, mã số đăng ký: sửa đổi 2: 2017 QCVN 21:2015/BGTVT; quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trang bị an toàn tàu biển - sửa đổi 1: 2017, mã số đăng ký: sửa đổi 1: 2017 QCVN 42:2015/BGTVT; quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phân cấp và đóng du thuyền - sửa đổi 1: 2017, mã số đăng ký: sửa đổi 1: 2017 QCVN 81:2014/BGTVT; quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phân cấp và giám sát kỹ thuật giàn cố định trên biển - sửa đổi 1: 2017, mã số đăng ký: sửa đổi 1: 2017 QCVN 49:2017/BGTVT - Thông tư 08/2017/TT-BGTVT ngày 14/3/2017 ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo động và chỉ báo trên tàu biển, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phân cấp và đóng tàu biển vỏ thép - sửa đổi 1, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các hệ thống ngăn ngừa ô nhiễm biển của tàu, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thiết bị nâng trên tàu biển và quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giám sát và đóng tàu biển cỡ nhỏ

	- Thông tư 11/2016/TT-BGTVT ngày 02/6/2016 ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phân cấp và đóng tàu biển vỏ thép, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phân cấp và đóng tàu biển cao tốc, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trang bị an toàn tàu biển và quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về kiểm tra và đóng tàu biển vỏ gỗ
3. Thời điểm có hiệu lực	01/9/2025
4. Nội dung chính lưu ý	
IV. Thông tư 08/2025/TT-BGTVT	
1. Tên văn bản	Thông tư 08/2025/TT-BGTVT của Bộ Giao thông vận tải ban hành ngày 11/2/2025 ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về kiểm tra và đóng tàu trên biển cỡ nhỏ
2. Văn bản bị thay thế/Sửa đổi, bổ sung	Sửa đổi, bổ sung Thông tư 08/2017/TT-BGTVT ngày 14/3/2017 ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo động và chỉ báo trên tàu biển, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phân cấp và đóng tàu biển vỏ thép - sửa đổi 1, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các hệ thống ngăn ngừa ô nhiễm biển của tàu, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thiết bị nâng trên tàu biển và quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giám sát và đóng tàu biển cỡ nhỏ
3. Thời điểm có hiệu lực	01/9/2025
4. Nội dung chính lưu ý	Hạng mục kiểm tra lần đầu trong đóng mới tàu biển cỡ nhỏ được quy định như sau: <ul style="list-style-type: none"> - Đăng kiểm viên phải kiểm tra tại các giai đoạn công nghệ sau đây liên quan đến thân tàu và trang thiết bị: + Khi kiểm tra vật liệu và trang thiết bị theo quy định; + Khi vật liệu hoặc các chi tiết được chế tạo ở nhà máy khác sẽ được đưa xuống sử dụng trên tàu liên quan; + Khi tiến hành thử mỗi hàn theo quy định; + Khi được Đăng kiểm chỉ định kiểm tra trong xưởng; + Khi tiến hành thử thủy lực hoặc thử kín nước và thử theo phương pháp không phá hủy; + Khi hoàn thiện phần thân tàu; + Khi tiến hành thử khả năng hoạt động của thiết bị đóng lỗ khoét, thiết bị điều khiển từ xa, thiết bị lái, thiết bị neo, thiết bị chằng buộc, các hệ

	<p>thống dập cháy và đường ống...;</p> <p>+ Khi lắp đặt bánh lái, tạo hình đường ky, đo các kích thước chính...;</p> <p>+ Khi kẻ dầu mạn khô;</p> <p>+ Khi tiến hành thử nghiêng hoặc thử tính ổn định;</p> <p>+ Khi tiến hành thử tàu đường dài;</p> <p>+ Khi lắp đặt hệ thống phòng, phát hiện và chữa cháy và khi tiến hành thử khả năng hoạt động của hệ thống;</p> <p>+ Khi Đăng kiểm thấy cần thiết sau khi thống nhất với chủ tàu.</p> <p>- Đăng kiểm viên phải kiểm tra tại các giai đoạn công nghệ sau đây liên quan đến hệ thống máy tàu và trang bị điện:</p> <p>+ Đối với các chi tiết chính của hệ thống máy tàu và trang bị điện:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Khi tiến hành thử theo quy định hoặc ở Phần 3 hoặc ở Phần 4 của Quy chuẩn này cho loại thiết bị tương ứng; • Khi kết thúc giai đoạn gia công các chi tiết chính, nếu cần thiết có thể kiểm tra vào thời gian thích hợp lúc đang gia công; • Khi tiến hành thử máy ở phân xưởng, lắp đặt các thiết bị động lực quan trọng lên tàu (máy chính, máy phụ, hệ trục, chân vịt...). <p>+ Khi tiến hành thử hoạt động các thiết bị điều khiển từ xa của các thiết bị đóng cửa kín nước, thiết bị điều khiển từ xa đối với hệ thống máy tàu và hệ truyền động, thiết bị điều khiển tự động, thiết bị lái, thiết bị chằng buộc, đường ống...;</p> <p>+ Khi tiến hành thử tàu đường dài;</p> <p>+ Khi Đăng kiểm thấy cần thiết sau khi thống nhất với chủ tàu.</p> <p>- Đăng kiểm viên phải kiểm tra lắp đặt liên quan đến trang thiết bị an toàn và phương tiện tín hiệu.</p> <p>- Đăng kiểm có thể thay đổi những yêu cầu quy định ở từ -1 đến -3 trên, có lưu ý đến điều kiện thực tế, khả năng kỹ thuật và quản lý chất lượng của nhà máy, trừ trường hợp thử đường dài.</p> <p>- Đối với các cuộc thử quy định ở từ -1 đến -3 trên, người đề nghị phải chuẩn bị kế hoạch thử để Đăng kiểm xem xét trước khi thử. Các biên bản thử hoặc biên bản đo phải trình cho Đăng kiểm xem xét, khi có yêu cầu.</p>
--	--

V. Thông tư 06/2025/TT-BGTVT	
1. Tên văn bản	Thông tư 06/2025/TT-BCA của Bộ Giao thông vận tải ban hành ngày 06/02/2025 ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phân cấp và đóng phương tiện thủy nội địa cao tốc
2. Văn bản bị thay thế/Sửa đổi, bổ sung	Thay thế Thông tư 11/2013/TT-BGTVT ban hành ngày 22/5/2013 quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phân cấp và đóng tàu thủy cao tốc
3. Thời điểm có hiệu lực	01/9/2025
4. Nội dung chính lưu ý	
LĨNH VỰC GIÁO DỤC	
I. Nghị định 201/2025/NĐ-CP	
1. Tên văn bản	Nghị định 201/2025/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 11/7/2025 quy định chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Đại học quốc gia
2. Văn bản bị thay thế/Sửa đổi, bổ sung	Thay thế Nghị định 168/2013/NĐ-CP ban hành ngày 17/11/2013 về Đại học quốc gia
3. Thời điểm có hiệu lực	01/09/2025
4. Nội dung chính lưu ý	<p>Quy định đại học quốc gia là cơ sở giáo dục đại học công lập do Bộ Giáo dục và Đào tạo quản lý, có tư cách pháp nhân, có tài khoản riêng và sử dụng con dấu có hình Quốc huy.</p> <p>Đại học quốc gia có chức năng đào tạo các trình độ của giáo dục đại học, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ đa ngành, đa lĩnh vực chất lượng cao; có một số lĩnh vực đào tạo dẫn đầu trong nước và được xếp hạng cao trên thế giới.</p> <p>Đại học quốc gia chịu sự quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Khoa học và Công nghệ, các bộ, ngành khác và Ủy ban nhân dân các cấp nơi đại học quốc gia đặt trụ sở theo quy định của pháp luật.</p> <p>Bên cạnh đó, quy định nhiệm vụ và quyền hạn của đại học quốc gia về tài chính, tài sản như sau:</p> <p>- Đại học quốc gia là đơn vị dự toán cấp I được Thủ tướng Chính phủ</p>

	<p>giao dự toán ngân sách; thực hiện quản lý thống nhất việc phân bổ, giao dự toán ngân sách cho các đơn vị thành viên, đơn vị thuộc và trực thuộc đại học quốc gia; chịu trách nhiệm về công tác kế toán, quyết toán ngân sách của đại học quốc gia theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước hiện hành;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quản lý, điều hành và kiểm tra tài chính, tài sản thống nhất trong đại học quốc gia theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và pháp luật có liên quan; - Phê duyệt phương án tự chủ tài chính của các đơn vị thành viên, đơn vị thuộc và trực thuộc đại học quốc gia theo quy định của Chính phủ về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; - Quy định mức thu học phí trong đại học quốc gia theo quy định của Chính phủ; - Quản lý, điều hành, sử dụng và chia sẻ nguồn lực tài chính, nhân lực, cơ sở vật chất và các nguồn lực khác được giao trong toàn đại học quốc gia, bảo đảm tính hữu cơ, đồng bộ và hiệu quả; huy động nguồn lực của xã hội để xây dựng đại học quốc gia thành cơ sở giáo dục đại học định hướng nghiên cứu mang tầm khu vực, quốc tế.
--	---

II. Nghị định 222/2025/NĐ-CP

1. Tên văn bản	Nghị định 222/2025/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 08/8/2025 quy định về việc dạy và học bằng tiếng nước ngoài trong cơ sở giáo dục
2. Văn bản bị thay thế/Sửa đổi, bổ sung	<p>Thay thế</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quyết định 72/2014/QĐ-TTg về việc dạy và học bằng tiếng nước ngoài trong nhà trường và cơ sở giáo dục khác - Thông tư 16/2016/TT-BGDĐT ban hành ngày 18/5/2016 hướng dẫn Quyết định 72/2014/QĐ-TTg về việc dạy và học bằng tiếng nước ngoài trong nhà trường và cơ sở giáo dục khác
3. Thời điểm có hiệu lực	25/9/2025
4. Nội dung chính lưu ý	<p>Trình tự, thủ tục phê duyệt Đề án dạy và học bằng tiếng nước ngoài được quy định như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với các cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên quy định tại khoản 1 Điều 10 và các cơ sở giáo dục được quy định tại

	<p>khoản 4, khoản 5 Điều 10 Nghị định 222/2025/NĐ-CP</p> <p>Cơ sở giáo dục nộp 01 bộ hồ sơ theo quy định cho cơ quan có thẩm quyền được quy định tại Điều 10 Nghị định 222/2025/NĐ-CP qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp hoặc qua cổng dịch vụ công trực tuyến;</p> <p>Trong thời hạn 05 ngày làm việc, nếu hồ sơ không hợp lệ theo quy định, cơ quan có thẩm quyền thông báo cho cơ sở giáo dục bổ sung và hoàn thiện theo quy định;</p> <p>Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan có thẩm quyền lấy ý kiến từ các đơn vị, cơ quan chức năng và chuyên môn liên quan đến Đề án. Các cơ quan chức năng và chuyên môn liên quan đến Đề án cho ý kiến trong thời hạn 03 ngày làm việc;</p> <p>Trong thời hạn 12 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan có thẩm quyền ban hành Quyết định phê duyệt Đề án theo Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 222/2025/NĐ-CP. Trong trường hợp không đồng ý, cơ quan có thẩm quyền thông báo bằng văn bản về kết quả xử lý (nêu rõ lý do) cho cơ sở giáo dục biết nếu Đề án chưa được phê duyệt.</p> <p>- Đối với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học, trường của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 10 Nghị định 222/2025/NĐ-CP</p> <p>Hiệu trưởng cơ sở giáo dục ban hành Quyết định phê duyệt Đề án dạy và học bằng tiếng nước ngoài tại cơ sở giáo dục của mình theo Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 222/2025/NĐ-CP</p> <p>Quyết định phê duyệt Đề án dạy và học bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực trong 10 năm kể từ ngày ký và có thể được gia hạn, mỗi lần gia hạn không quá 10 năm.</p>
<p>III. Thông tư 14/2025/TT-BGDĐT</p>	
<p>1. Tên văn bản</p>	<p>Thông tư 14/2025/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành ngày 18/7/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định phòng học bộ môn của cơ sở giáo dục phổ thông ban hành kèm thông tư số 14/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và</p>

	Đào tạo
2. Văn bản bị thay thế/Sửa đổi, bổ sung	Sửa đổi, bổ sung Thông tư 14/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 quy định về phòng học bộ môn của cơ sở giáo dục
3. Thời điểm có hiệu lực	02/9/2025
4. Nội dung chính lưu ý	<p>diện tích làm việc tối thiểu phòng học bộ môn được tính trên cơ sở diện tích làm việc tối thiểu cho một học sinh.</p> <p>(i) Trường tiểu học</p> <p>Đối với phòng học bộ môn Tin học, Ngoại ngữ diện tích làm việc tối thiểu cho một học sinh là 1,50m² và mỗi phòng có diện tích không nhỏ hơn 50m².</p> <p>Đối với phòng học bộ môn Khoa học - Công nghệ, Âm nhạc, Mĩ thuật diện tích làm việc tối thiểu cho một học sinh là 1,85m² và mỗi phòng có diện tích không nhỏ hơn 60m².</p> <p>(ii) Trường trung học cơ sở</p> <p>Đối với phòng học bộ môn Khoa học tự nhiên, Tin học, Ngoại ngữ diện tích làm việc tối thiểu cho một học sinh là 1,85m² và mỗi phòng có diện tích không nhỏ hơn 60m².</p> <p>Đối với phòng học bộ môn Công nghệ, Âm nhạc, Mĩ thuật diện tích làm việc tối thiểu cho một học sinh là 2,25m² và mỗi phòng có diện tích không nhỏ hơn 60m².</p> <p>Phòng học bộ môn Khoa học xã hội (sử dụng chung cho các môn học Giáo dục công dân, Lịch sử và Địa lí), diện tích làm việc tối thiểu cho một học sinh là 1,50m² và mỗi phòng có diện tích không nhỏ hơn 60m².</p> <p>(iii) Trường trung học phổ thông</p> <p>Đối với phòng học bộ môn Vật lí, Hóa học, Sinh học, Tin học, Ngoại ngữ, diện tích làm việc tối thiểu cho một học sinh là 2,00m² và mỗi phòng có diện tích không nhỏ hơn 60m².</p> <p>Đối với phòng học bộ môn Công nghệ, Âm nhạc, Mĩ thuật diện tích làm việc tối thiểu cho một học sinh là 2,45 m² và mỗi phòng có diện tích không nhỏ hơn 60m².</p> <p>Phòng học bộ môn Khoa học xã hội (sử dụng chung cho các môn học Lịch sử, Địa lí, Giáo dục kinh tế và pháp luật), diện tích làm việc tối</p>

	<p>thiếu cho một học sinh là 1,50m² và mỗi phòng có diện tích không nhỏ hơn 60 m².</p> <p>(iv) Trường phổ thông có nhiều cấp học căn cứ các quy định tại mục (i), (ii), (iii) nêu trên để xác định diện tích làm việc tối thiểu các phòng học bộ môn.</p> <p>(v) Diện tích làm việc tối thiểu của phòng học bộ môn sử dụng chung cho một số môn học: xác định theo phòng học bộ môn có diện tích lớn nhất trong các môn học sử dụng chung.</p>
--	--

LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN – MÔI TRƯỜNG

I. Thông tư 41/2025/TT-BNNMT

1. Tên văn bản	Thông tư 41/2025/TT-BNNMT của Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành ngày 14/7/2025 hướng dẫn kỹ thuật về phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải và phục hồi môi trường sau sự cố môi trường
2. Văn bản bị thay thế/Sửa đổi, bổ sung	Không
3. Thời điểm có hiệu lực	01/09/2025
4. Nội dung chính lưu ý	<p>Quy định các biện pháp chung về phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hạng mục, công trình có khả năng xảy ra sự cố chất thải phải đáp ứng yêu cầu kỹ thuật theo quy định. - Hạng mục, công trình phải được bảo đảm khoảng cách an toàn môi trường theo quy định tại QCVN 01:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khoảng cách an toàn về môi trường đối với khu dân cư của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và kho tàng có nguy cơ phát tán bụi, mùi khó chịu, tiếng ồn tác động xấu đến sức khỏe con người và các quy định khác của pháp luật có liên quan. - Phương tiện vận chuyển; khu vực, kho lưu giữ chất thải bảo đảm yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường theo quy định tại các Điều 27, Điều 33, Điều 34, Điều 35, Điều 36, Điều 37 và Điều 42 Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi

	<p>trường 2020.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ứng dụng các giải pháp công nghệ tiên tiến để nâng cao hiệu quả phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải, phù hợp với định hướng phát triển bền vững và kinh tế tuần hoàn. - Trang bị các vật dụng, thiết bị, vật liệu phù hợp để phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải. Sử dụng thiết bị, phương tiện nhận diện, phát hiện, cảnh báo sớm sự cố chất thải, nếu có (ảnh vệ tinh, dữ liệu ảnh viễn thám thời gian thực, phương tiện bay không người lái hoặc thiết bị, phương tiện khác). - Tổ chức ứng phó sự cố chất thải phù hợp với cấp sự cố theo quy định. - Thu gom, xử lý chất thải phát sinh từ sự cố chất thải theo quy định. - Nhân sự vận hành, lực lượng tham gia phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải được tập huấn, huấn luyện kỹ năng, nghiệp vụ về phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải theo quy định. - Danh sách nhân sự, số điện thoại cần liên hệ để thông báo trong trường hợp khẩn cấp khi xảy ra sự cố chất thải.
--	---

II. Thông tư 06/2025/TT-BNNMT

1. Tên văn bản	Thông tư 06/2025/TT-BNNMT của Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành ngày 28/02/2025 về việc ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp
2. Văn bản bị thay thế/Sửa đổi, bổ sung	<p>Sửa đổi, bổ sung</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư 39/2010/TT-BTNMT ngày 16/12/2010 quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường do Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành - Thông tư 78/2017/TT-BTNMT ngày 29/12/2017 quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường do Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành - Thông tư 25/2009/TT-BTNMT ngày 16/11/2009 quy chuẩn quốc gia về môi trường do Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành
3. Thời điểm có hiệu lực	01/09/2025
4. Nội dung chính lưu ý	<p>Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (QCVN 40:2025/BTNMT).</p> <p>Quy chuẩn này quy định giá trị giới hạn cho phép của các thông số ô</p>

	<p>nhiệm trong nước thải công nghiệp khi xả thải ra nguồn nước tiếp nhận.</p> <p>Quy chuẩn này không áp dụng đối với nước khai thác thải từ các công trình dầu khí trên biển; nước thải chăn nuôi; nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung.</p> <p>Quy chuẩn này áp dụng đối với các cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động xả thải nước thải công nghiệp ra nguồn nước tiếp nhận.</p> <p>Theo quy chuẩn, nước thải công nghiệp là nước thải phát sinh từ hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ quy định tại Cột 2 Phụ lục 2 Quy chuẩn này, từ khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp.</p> <p>Thông tư 06/2025/TT-BTNMT có hiệu lực từ ngày 01/9/2025 và có điều khoản chuyển tiếp như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cơ sở đã đi vào vận hành, dự án đầu tư đã có quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiếp nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ đề nghị thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, cấp giấy phép môi trường hoặc đăng ký môi trường trước ngày Thông tư 06/2025/TT-BTNMT có hiệu lực thi hành được tiếp tục áp dụng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải theo loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tương ứng và quy định của chính quyền địa phương (bao gồm cả quy chuẩn kỹ thuật địa phương về nước thải) cho đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2031. - Trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành các quy định liên quan đến việc thay đổi chức năng của nguồn nước tiếp nhận thì các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 3 Thông tư 06/2025/TT-BTNMT thực hiện theo lộ trình do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định khi ban hành các quy định nêu trên.
--	---

III. Thông tư 04/2025/TT-BTNMT

1. Tên văn bản	Thông tư 04/2025/TT-BTNMT của Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành ngày 28/02/2025 về việc ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi
2. Văn bản bị thay thế/Sửa	Thay thế Thông tư 04/2016/TT-BTNMT ngày 29/04/2016 quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi

đổi, bổ sung	
3. Thời điểm có hiệu lực	01/9/2025
4. Nội dung chính lưu ý	<p>Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi QCVN 62:2025/BTNMT.</p> <p>Quy chuẩn này quy định giá trị giới hạn cho phép của các thông số ô nhiễm trong nước thải chăn nuôi khi xả thải ra nguồn nước tiếp nhận.</p> <p>Quy chuẩn này áp dụng đối với các cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân (gọi chung là tổ chức, cá nhân) liên quan đến hoạt động xả thải nước thải chăn nuôi ra nguồn nước tiếp nhận.</p> <p>Quy chuẩn nêu rõ nước thải chăn nuôi là nước thải phát sinh từ hoạt động chăn nuôi theo quy định của pháp luật về chăn nuôi.</p> <p>Căn cứ quy định tại Mục 1.3.3 Quy chuẩn này, giá trị giới hạn cho phép của các thông số ô nhiễm trong nước thải chăn nuôi của dự án đầu tư, cơ sở chăn nuôi trang trại khi xả ra nguồn nước tiếp nhận được quy định tại Bảng 1 QCVN 62:2025/BTNMT.</p> <p>Thông tư 04/2025/TT-BTNMT có hiệu lực từ ngày 01/9/2025 và có điều khoản chuyên tiếp như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cơ sở chăn nuôi đã đi vào vận hành, dự án đầu tư chăn nuôi đã có quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiếp nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ đề nghị thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, cấp giấy phép môi trường hoặc đăng ký môi trường trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành được tiếp tục áp dụng QCVN 62-MT:2016/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi và quy định của chính quyền địa phương (bao gồm cả quy chuẩn kỹ thuật môi trường địa phương về nước thải) cho đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2031. - Trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành các quy định liên quan đến việc thay đổi chức năng của nguồn nước tiếp nhận thì các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 3 Thông tư 04/2025/TT-BTNMT thực hiện theo lộ trình do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định khi ban hành các quy định nêu trên.

IV. Thông tư 05/2025/TT-BTNMT	
1. Tên văn bản	Thông tư 05/2025/TT-BTNMT của Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành ngày 28/02/2025 về việc ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung
2. Văn bản bị thay thế/Sửa đổi, bổ sung	Sửa đổi, bổ sung Quyết định 16/2008/QĐ-BTNMT của Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành ngày 28/02/2025 quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường
3. Thời điểm có hiệu lực	01/09/2025
4. Nội dung chính lưu ý	<p>Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, nước thải đô thị và khu dân cư tập trung QCVN 14:2025/BTNMT.</p> <p>Quy chuẩn này quy định giá trị giới hạn cho phép của các thông số ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung khi xả thải ra nguồn nước tiếp nhận.</p> <p>Quy chuẩn này áp dụng đối với các cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân (gọi chung là tổ chức, cá nhân) có hoạt động xả nước thải sinh hoạt, nước thải đô thị, khu dân cư tập trung ra nguồn nước tiếp nhận.</p> <p>Quy chuẩn này không áp dụng đối với đối tượng được sử dụng công trình xử lý nước thải tại chỗ theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.</p> <p>Quy chuẩn này nêu rõ:</p> <p>Nước thải sinh hoạt là nước thải phát sinh từ các hoạt động sinh hoạt của con người, bao gồm ăn uống, tắm, giặt, vệ sinh cá nhân. Nước thải phát sinh từ dự án đầu tư, cơ sở kinh doanh, dịch vụ quy định tại Phụ lục 1 Quy chuẩn này được quản lý như nước thải sinh hoạt tại Quy chuẩn này.</p> <p>Nước thải đô thị, khu dân cư tập trung là nước thải phát sinh từ đô thị, khu dân cư tập trung.</p> <p>Căn cứ quy định tại Mục 1.3.3 Quy chuẩn này và lưu lượng xả thải, giá trị giới hạn cho phép của các thông số ô nhiễm trong nước thải đô thị, khu dân cư tập trung khi xả thải ra nguồn nước tiếp nhận được quy định tại Bảng 1 QCVN 14:2025/BTNMT.</p> <p>Thông tư 05/2025/TT-BTNMT có hiệu lực từ ngày 01/9/2025 và có điều khoản chuyển tiếp như sau:</p> <p>- Cơ sở đã đi vào vận hành, dự án đầu tư đã có quyết định phê duyệt kết</p>

	<p>quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiếp nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ đề nghị thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, cấp giấy phép môi trường hoặc đăng ký môi trường trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành được tiếp tục áp dụng QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (trường hợp có áp dụng) và quy định của chính quyền địa phương (bao gồm cả quy chuẩn kỹ thuật môi trường địa phương về nước thải) cho đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2031.</p> <p>- Trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành các quy định liên quan đến việc thay đổi chức năng của nguồn nước tiếp nhận thì các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 3 Thông tư 05/2025/TT-BTNMT thực hiện theo lộ trình do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định khi ban hành các quy định nêu trên.</p>
--	---

LĨNH VỰC Y TẾ

I. Thông tư 27/2025/TT-BYT

<p>1. Tên văn bản</p>	<p>Thông tư 27/2025/TT-BYT của Bộ Y tế ban hành ngày 01/7/2025 về việc quy định nguyên tắc, tiêu chí xây dựng, cập nhật, ghi thông tin, cấu trúc danh mục và hướng dẫn thanh toán đối với thuốc được liệt, thuốc có kết hợp dược chất với các dược liệu, thuốc cổ truyền, dược liệu thuộc phạm vi được hưởng của người tham gia bảo hiểm y tế</p>
<p>2. Văn bản bị thay thế/Sửa đổi, bổ sung</p>	<p>Không</p>
<p>3. Thời điểm có hiệu lực</p>	<p>01/09/2025</p>
<p>4. Nội dung chính lưu ý</p>	<p>Hướng dẫn thanh toán BHYT đối với thuốc cổ truyền như sau:</p> <p>(1) Trường hợp cơ sở khám bệnh, chữa bệnh mua vị thuốc cổ truyền được chế biến, bào chế từ dược liệu thuộc danh mục dược liệu tại Thông tư ban hành danh mục thuốc y học cổ truyền thuộc phạm vi được hưởng của người tham gia bảo hiểm y tế: Quỹ bảo hiểm y tế căn cứ vào giá mua của vị thuốc cổ truyền và chi phí hao hụt trong bảo quản, cân chia</p>

	<p>(nếu có) để thanh toán.</p> <p>(2) Trường hợp cơ sở khám bệnh, chữa bệnh mua dược liệu để chế biến thành vị thuốc cổ truyền được quỹ bảo hiểm y tế thanh toán các chi phí sau đây:</p> <p>(2.1) Chi phí trực tiếp bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chi phí dược liệu theo giá mua của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh. Dược liệu phải có trong danh mục dược liệu quy định tại Thông tư ban hành danh mục thuốc y học cổ truyền thuộc phạm vi được hưởng của người tham gia bảo hiểm y tế; - Chi phí phụ liệu, điện, nước, nhiên liệu sử dụng trong sơ chế, chế biến; - Chi phí hao hụt trong sơ chế, chế biến, bảo quản, cân chia (nếu có); - Chi phí bao bì đóng gói (nếu có); - Chi phí vật tư, hóa chất, phụ liệu phục vụ hoạt động kiểm tra chất lượng trước khi thực hiện kiểm nghiệm, chi phí kiểm nghiệm theo Thông tư 38/2021/TT-BYT (nếu có); - Chi phí khác (nếu có); <p>(2.2) Chi phí nhân công thực hiện;</p> <p>(2.3) Chi phí quản lý theo lộ trình điều chỉnh các yếu tố cấu thành giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế;</p> <p>(2.4) Chi phí khấu hao máy móc theo lộ trình điều chỉnh các yếu tố cấu thành giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế.</p> <p>(3) Người đứng đầu cơ sở khám bệnh, chữa bệnh chịu trách nhiệm phê duyệt quy trình sơ chế, chế biến, tiêu chuẩn chất lượng, chi phí dược liệu và các chi phí quy định tại khoản (2) gửi cơ quan bảo hiểm xã hội nơi ký hợp đồng khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế để làm căn cứ thanh toán.</p>
--	--

II. Thông tư 36/2025/TT-BYT

1. Tên văn bản	Thông tư 36/2025/TT-BYT của Bộ Y tế ban hành ngày 28/07/2025 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều về phân cấp của Thông tư 04/2018/TT-BYT ngày 09/02/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về thực hành tốt phòng thí nghiệm
2. Văn bản bị	Sửa đổi, bổ sung Thông tư 04/2018/TT-BYT ngày 09/02/2018 quy định

thay thế/Sửa đổi, bổ sung	thực hành tốt phòng thí nghiệm
3. Thời điểm có hiệu lực	15/08/2025
4. Nội dung chính lưu ý	<p>Tiêu chuẩn bổ nhiệm giám định viên pháp y tâm thần được quy định tại Thông tư 21/2025/TT-BYT như sau:</p> <p>* Tiêu chuẩn chung</p> <ul style="list-style-type: none"> - Là công dân Việt Nam thường trú tại Việt Nam, đang công tác trong ngành y tế, công an, quân đội có đủ sức khỏe để công tác và đáp ứng chuẩn mực đạo đức cơ bản của người hoạt động trong lĩnh vực tư pháp như sau: <ul style="list-style-type: none"> + Trách nhiệm, tận tụy, sáng tạo, kỷ cương, chí công vô tư; lấy pháp luật làm chuẩn mực để xử lý công việc; + Khách quan, công tâm khi thực hiện công tác giám định; kiên quyết đấu tranh với mọi hành vi xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của nhân dân; + Thẳng thắn đấu tranh bảo vệ lẽ phải, lẽ công bằng; không nể nang, né tránh, bao che trong thực hiện công tác chuyên môn nghiệp vụ; + Không cửa quyền, hách dịch, lợi dụng chức vụ, quyền hạn để tham nhũng, trục lợi; + Không ngừng học tập, nâng cao nhận thức chính trị - pháp lý; + Thường xuyên giữ gìn, tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, tư cách, lối sống; thể hiện tính chuẩn mực, nghiêm minh, công bằng của pháp luật. - Không thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 7 Luật Giám định tư pháp. <p>* Tiêu chuẩn cụ thể</p> <ol style="list-style-type: none"> (1) Trình độ chuyên môn: Có trình độ đại học ngành y khoa (mã số 7720101) quy định tại Thông tư 09/2022/TT-BGDĐT và trình độ chuyên khoa cấp I (hoặc tương đương) trở lên chuyên ngành tâm thần. (2) Nghiệp vụ giám định: Có chứng chỉ nghiệp vụ giám định pháp y tâm thần được cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định tại Thông tư số 06/2019/TT-BYT hoặc đáp ứng tiêu chí theo quy định tại Điều 10 Thông tư 06/2019/TT-BYT. (3) Thời gian thực tế hoạt động chuyên môn: Phải có tổng thời gian thực

	<p>tế hoạt động chuyên môn về lĩnh vực tâm thần tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh từ đủ 05 (năm) năm trở lên (bao gồm cả thời gian đào tạo sau đại học chuyên ngành tâm thần) và thời gian gián đoạn (nếu có) không quá 02 (hai) năm tính đến thời điểm đề nghị bổ nhiệm giám định viên.</p> <p>Trường hợp đã trực tiếp giúp việc trong hoạt động giám định ở tổ chức giám định pháp y tâm thần thì thời gian hoạt động thực tế chuyên môn ở lĩnh vực được đào tạo theo quy định tại khoản 1 Điều này từ đủ 03 (ba) năm liên tục trở lên.</p>
--	--

LĨNH VỰC VĂN HÓA – XÃ HỘI

I. Nghị định 208/2025/NĐ-CP

1. Tên văn bản	Nghị định 208/2025/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 17/7/2025 quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục, hồ sơ lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch khảo cổ; Quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; Dự án đầu tư xây dựng, xây dựng công trình, sửa chữa, cải tạo, xây dựng nhà ở riêng lẻ nằm trong, nằm ngoài khu vực bảo vệ di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thế giới; Dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình kiến trúc hạ tầng kỹ thuật và trưng bày bảo tàng công lập
2. Văn bản bị thay thế/Sửa đổi, bổ sung	<p>Thay thế</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghị định 166/2018/NĐ-CP quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh - Nghị định 67/2022/NĐ-CP sửa đổi Điều 4 Nghị định 166/2018/NĐ-CP quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh
3. Thời điểm có hiệu lực	01/9/2025
4. Nội dung chính lưu ý	<p>Thủ tục thẩm định quy hoạch khảo cổ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh gửi trực tuyến, nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định 208/2025/NĐ-CP tới Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để xem xét, đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thẩm định quy hoạch khảo cổ. <p>Trường hợp chưa nhận đủ hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn 05 ngày làm việc,</p>

	<p>kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản yêu cầu bổ sung hoàn thiện hồ sơ;</p> <p>- Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi trực tuyến, nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định 208/2025/NĐ-CP tới Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch để xem xét, thẩm định.</p> <p>Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ quy hoạch khảo cổ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ và thông báo bằng văn bản cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nếu hồ sơ không đầy đủ hoặc không hợp lệ. Văn bản thông báo phải nêu rõ lý do và yêu cầu bổ sung hoặc chỉnh sửa hồ sơ liên quan.</p> <p>Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo bằng văn bản của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm bổ sung hoặc chỉnh sửa thành phần hồ sơ liên quan. Hết thời hạn trên, nếu chưa nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có văn bản trả lại hồ sơ;</p> <p>- Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm xem xét, lấy ý kiến bộ, ngành liên quan và có văn bản thẩm định quy hoạch khảo cổ.</p> <p>(2) Trình tự, thủ tục phê duyệt quy hoạch khảo cổ:</p> <p>- Cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh gửi trực tuyến, nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện 01 bộ hồ sơ quy hoạch khảo cổ theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định 208/2025/NĐ-CP tới Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để phê duyệt quy hoạch khảo cổ;</p> <p>- Trường hợp chưa nhận đủ hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản yêu cầu bổ sung hoàn thiện hồ sơ;</p> <p>- Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm quyết định phê duyệt quy hoạch khảo cổ.</p>
--	---

II. Nghị định 215/2025/NĐ-CP	
1. Tên văn bản	Nghị định 215/2025/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 04/8/2025

	<p>quy định các biện pháp quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới, di sản văn hóa dưới nước, di sản văn hóa phi vật thể trong các danh sách của UNESCO và danh mục quốc gia về di sản văn hóa phi vật thể và chính sách đối với nghệ nhân, chủ thể di sản văn hóa phi vật thể</p>
<p>2. Văn bản bị thay thế/Sửa đổi, bổ sung</p>	<p>Thay thế:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghị định 86/2005/NĐ-CP ngày 08/7/2005 về quản lý và bảo vệ di sản văn hóa dưới nước - Nghị định 109/2015/NĐ-CP ngày 28/10/2015 về hỗ trợ đối với nghệ nhân dân, nghệ nhân ưu tú có thu nhập thấp, hoàn cảnh khó khăn - Nghị định 109/2017/NĐ-CP ngày 21/9/2017 quy định về bảo vệ và quản lý di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới ở Việt Nam - Nghị định 39/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 quy định về biện pháp quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể trong các danh sách của UNESCO và danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia
<p>3. Thời điểm có hiệu lực</p>	<p>17/9/2025</p>
<p>4. Nội dung chính lưu ý</p>	<p>Điều 4 Nghị định 215/2025/NĐ-CP quy định về nguyên tắc trong thực hành di sản văn hóa phi vật thể như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chủ thể di sản văn hóa phi vật thể có trách nhiệm bảo đảm duy trì tính liên tục của di sản văn hóa phi vật thể trong thực hành di sản văn hóa phi vật thể đúng với giá trị, bản chất và chức năng của di sản; giảm nguy cơ mai một, thất truyền. - Bảo đảm gìn giữ giá trị của di sản với các hình thức thể hiện, tri thức, kỹ năng, kỹ thuật và không gian thực hành liên quan; không đưa những yếu tố không phù hợp vào di sản. - Bảo đảm bao quát quy trình thực hành, nội dung, hoạt động, các yếu tố cấu thành của di sản với sự tham gia của cộng đồng chủ thể vào thực hành di sản. - Không phổ biến và thực hành sai lệch nội dung di sản. - Không lợi dụng thực hành di sản để trục lợi hoặc thực hiện các hành vi hoạt động vi phạm pháp luật. - Bảo đảm các di sản văn hóa phi vật thể được thực hành hướng con người, cộng đồng tới các giá trị văn hóa tốt đẹp hướng tới sự phát triển xã hội toàn diện; gìn giữ bản sắc; bảo đảm an toàn cộng đồng và xã hội;

	<p>bảo vệ môi trường</p> <ul style="list-style-type: none">- Bảo đảm tôn trọng sự đa dạng các biểu đạt văn hóa, vai trò của cộng đồng chủ thể và tính đặc thù dân tộc, vùng miền. Di sản văn hóa phi vật thể của các cộng đồng khác nhau đều được tôn trọng như nhau.- Bảo đảm tôn trọng và bảo vệ giá trị tôn giáo, tín ngưỡng, tập quán, tính thiêng của nghi lễ và không gian thực hành của di sản văn hóa phi vật thể.- Bảo đảm quyền thực hành di sản văn hóa phi vật thể của cộng đồng chủ thể.- Ưu tiên quyền quyết định của chủ thể di sản văn hóa phi vật thể đối với việc thực hành di sản văn hóa phi vật thể vì sự tồn tại lâu dài, tính liên tục, toàn vẹn của di sản văn hóa phi vật thể.
--	--

Lưu ý: Bản tin này nhằm cung cấp các thông tin cập nhật về văn bản pháp luật mới được ban hành mà không nhằm mục đích cung cấp các tư vấn pháp lý. Nếu quý khách có nhu cầu tư vấn, hướng dẫn chi tiết về các quy định của những văn bản pháp luật nêu trên hoặc cung cấp văn bản miễn phí, xin vui lòng liên hệ Công ty Luật TNHH Trần Vũ qua số tổng đài tư vấn (84-24) 73 001 048 hoặc gửi email tư vấn đến info@tranvulawfirm.vn.